TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 786/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 09/4/2025.
Về việc "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Đời.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Gái;

Ông Võ Văn Lợi.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Trần Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai Vụ án dân sự sơ thẩm số: 120/2025/TLST-HNGĐ ngày 20/01/2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2793/2025/QĐXXST-DS ngày 24/3/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Hồng H**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, (xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông **Tran Kenneth V**, sinh năm 1957. Địa chỉ: 1 đường Đ, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nội dung Đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày*: Về quan hệ hôn nhân, bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Tran Kenneth V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định và được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 01/2016, ngày 28/01/2016. Sau khoảng thời gian chung sống ngắn ngủi, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải hòa, hai người bất đồng quan điểm sống, sau đó hai vợ chồng sống ly thân. Bà Nguyễn Thị Hồng H xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Tran Kenneth V.

Về con chung: Bà H khai bà và ông Tran Kenneth V không có con chung.

Về tài sản chung: Hai người tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Đồng thời, bà H có đơn yêu cầu không hòa giải đoàn tụ và đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Theo nội dung bản tự khai, bị đơn ông Tran Kenneth V trình bày*: Ông Tran Kenneth V xác nhận những lời trình bày của bà H về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nay bà H yêu cầu ly hôn, ông Tran Kenneth V đồng ý ly hôn; ông và bà H tự thỏa thuận về tài sản chung, hai người không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Ông Tran Kenneth V cũng yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Xét thấy, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Hồng H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn - ông Tran Kenneth V, do đó căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp "Ly hôn". Bị đơn có địa chỉ tại thành phố T nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Xét Bản tự khai, Đ đề nghị không hòa giải đoàn tụ và đơn xin vắng mặt của đương sự đã được thực hiện theo quy định nên đây được xem là chứng cứ hợp pháp của vụ án theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Do nguyên đơn và bị đơn đều có đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Qua lời trình bày của hai bên và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn tự nguyện yêu nhau, sau đó có tiến hành kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định, được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 01/2016, ngày 28/01/2016 (thể hiện tại Trích lục kết hôn số 36/2024/TLKH-BS ngày 04/10/2024 của Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang). Tại thời điểm đăng ký kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Sau thời gian chung sống, hai bên phát sinh mâu thuẫn không thể giải hòa, nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân nên vợ chồng không có sự gắn kết. Do hai bên hoàn toàn không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn là có cơ sở. Mặt khác, tại bản tự khai bị đơn cũng xác định không còn tình cảm và đồng ý ly hôn với nguyên đơn, cả hai đều yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ, điều đó thể hiện cả hai bên không có ý muốn đoàn tụ với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, hai bên không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho nguyên đơn ly hôn với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về con chung: Hai bên cùng xác định không có.

- Về tài sản chung: Hai bên xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Hai bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Hồng H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng H ly hôn với ông Tran Kenneth V.

Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Tran Kenneth V (theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 01/2016, đăng ký ngày 28/01/2016 tại Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang) chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà H và ông Tran Kenneth V không có con chung.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà H đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0079127 ngày 09/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Hồng H, ông Tran Kenneth V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị bản án theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.Thủ Đức;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án, (Đ-Kim Anh), 12.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Danh Đời